

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 05/6/2018

V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Dũng

Ông Nguyễn Quang Liêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Nguyên Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đàm – chức vụ
Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 293/HNGĐ-ST, ngày 16 tháng 10 năm 2017. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 10/2018/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T; Sinh năm 1977;

Trú tại: Thôn 8, xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L ; Sinh năm 1983;

Trú tại: Thôn 8, xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước .

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần hai không lý do.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2017 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, hôn nhân hoàn tự nguyện không ai ép buộc. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên đi làm xa nhà từ đó vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, chị L ghen tuông chửi bới bạn hàng và mọi người; từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát làm cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, vợ chồng mất tình cảm nên anh T và chị L đã sống ly thân từ tháng 7/2017 liên tục cho đến nay. Quá trình sống ly

thân anh chị không còn quan tâm gì đến nhau. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên anh Trần Văn T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Quang H, sinh năm 2003; Trần Thị Thảo V, sinh năm 2006. Nguyên vọng của anh T sau khi ly hôn là giao cả 02 con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L xác nhận tình trạng hôn nhân giữa chị và anh T là đúng, anh chị chung sống năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T bất đồng quan điểm về kinh tế, anh T thường xuyên chơi bài bạc gây ra nợ nần làm thâm hụt kinh tế, ngoài ra anh T còn ngoại tình. Chị xác nhận hiện nay chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2016 liên tục cho đến nay. Nay chị L cũng thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đồng ý với yêu cầu của anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Quang H, sinh năm 2003; Trần Thị Thảo V, sinh năm 2006. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 2, không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Nguyễn Thị L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, đối chiếu với giấy chứng nhận kết hôn do anh T giao nộp hợp pháp tại Tòa án, căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị L là hôn nhân hợp pháp

Về mâu thuẫn gia đình: anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị L đều thừa nhận trong quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống về kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ

chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, có lúc đã xảy ra xô xát lẫn nhau. Do không thể tiếp tục chung sống, anh chị đã sống ly thân từ tháng năm 2016 liên tục đến nay, trong quá trình sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa anh T và chị L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Quang H, sinh năm 2003; Trần Thị Thảo V, sinh năm 2006. Quá trình làm việc tại Tòa án anh T và chị L đều có nguyện vọng giao cả hai cháu cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ý kiến của cháu Trần Quang H có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu Trần Thị Thảo V không muốn bố mẹ ly hôn, không thể hiện rõ ràng nguyện vọng ở với ai. Xét thấy, cháu V là con gái để cháu có điều kiện phát triển tốt hơn về tâm sinh lý giới tính và cháu ổn định cuộc sống, sinh hoạt sau khi cha mẹ ly hôn; cần chấp nhận ý kiến của anh T và chị L; giao cả 2 cháu Trần Quang H, sinh năm 2003; Trần Thị Thảo V, sinh năm 2006 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải.

Về nợ chung: không có.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn pH nộp theo luật định.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; anh Trần Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L;

[2]. Về con chung: Giao các cháu Trần Quang H, sinh năm 2003; Trần Thị Thảo V, sinh năm 2006 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con được thực hiện theo các quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn anh Trần Văn T nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0021538 ngày 16/10/2017.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã B
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thùy Linh

